

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

---

- 1. Vũ Thị Thanh Huyền, Trần Việt Thảo và Nguyễn Thị Thu Hiền** - Ảnh hưởng của môi trường thể chế đến đóng góp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa vào ngành công nghiệp chế biến chế tạo tại Việt Nam. **Mã số: 181.1DEco.11** 3

*The influence of the institutional environment on the participation of SMEs in the manufacturing industry in Vietnam and some implications for SMEs in the current context*

- 2. Ngô Ngân Hà và Phan Thế Công** - Ảnh hưởng của tăng trưởng kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, năng lượng tái tạo, quản trị nhà nước đến phát thải CO<sub>2</sub> tại một số quốc gia Đông Á. **Mã số: 181.DEco.11** 20

*The Effects Of Economic Growth, Foreign Direct Investment, Renewable Energy, Governance On CO<sub>2</sub> Emissions In Some East Asian Countries*

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

---

- 3. Phạm Hùng Cường và Trần Thế Anh** - Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. **Mã số: 181.2BMkt.21** 36

*The factors influencing the consumer behavior of organic food consumption among consumers in Ho Chi Minh City*

- 4. Trần Nguyễn Khánh Hải** - Tác động của lãnh đạo tinh thần, tinh thần làm việc của nhân viên đến sự tham gia vào hoạt động trách nhiệm xã hội của nhân viên ngành khách sạn. **Mã số: 181.Badm.21** 47

*The Impact of Spiritual Leadership, Employees Workplace Spirituality on CSR Participation of Hotel Industry*

- 5. Lê Thanh Tiệp và Thắm Đức Hiếu** - Ảnh hưởng của hình ảnh thương hiệu, giá cả hợp lý, chất lượng dịch vụ đến lòng trung thành khách hàng trong ngành thức ăn nhanh: Vai trò trung gian của sự hài lòng. **Mã số: 181.2BMkt.21** 66

*The Effect of Brand Image, Reasonable Price, and Service Quality on Customer Loyalty in the Fast Food Industry: The Mediating Role of Satisfaction*

- 6. Lưu Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt, Đào Lê Đức và Phạm Văn Kiệt** - Các yếu tố tác động tới kỳ vọng về hiệu quả và sự hài lòng của người dùng sách điện tử: nghiên cứu điển hình tại Hà Nội. **Mã số: 181.Badm.21** 83

*Factors Affecting Performance Expectancy and E-Book User Satisfaction: The Case of Hanoi*

- 7. Nguyễn Thị Thu Hà** - Ảnh hưởng của kiến thức tài chính cá nhân và sự hậu thuẫn từ gia đình tới hành vi tiết kiệm: Nghiên cứu trường hợp cư dân Đà Nẵng trong độ tuổi từ 18 đến 40. **Mã số: 181.2FiBa.21** 97

*The influence of personal financial knowledge and family support on savings behavior: A case study of Danang residents aged 18 to 40*

## Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 8. Nguyễn Huy Oanh** - Các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng tạo việc làm - trường hợp một số quốc gia Châu Á điển hình. **Mã số: 181.3HRMg.31** 107

*Factors Affecting Employment - The Case of Some Selected Asian Countries*

# ẢNH HƯỞNG CỦA KIẾN THỨC TÀI CHÍNH CÁ NHÂN VÀ SỰ HẬU THUẦN TỪ GIA ĐÌNH TỚI HÀNH VI TIẾT KIỆM: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CƯ DÂN ĐÀ NẴNG TRONG ĐỘ TUỔI TỪ 18 ĐẾN 40

**Nguyễn Thị Thu Hà**

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Email: ha.ntt@due.edu.vn

Ngày nhận: 23/05/2023

Ngày nhận lại: 16/07/2023

Ngày duyệt đăng: 24/07/2023

Hành động tiết kiệm rất cần được bố mẹ truyền đạt từ sớm để trẻ em hình thành và phát triển hành vi tiết kiệm tốt từ nhỏ cho đến khi trưởng thành. Việc hình thành và phát triển hành vi tiết kiệm sẽ giúp cá nhân dễ dàng quản lý tốt tài chính của mình. Mục tiêu chính của nghiên cứu này là xác định mức độ và các nhân tố tiềm ẩn của kiến thức tài chính cá nhân, sự hậu thuẫn từ gia đình tác động đến hành vi tiết kiệm của cư dân Đà Nẵng. Dữ liệu được thu thập bằng cách phân phối bảng câu hỏi điều tra online và trực tiếp cho 296 người độ tuổi 18-40 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng với phương pháp chọn mẫu phi xác suất thuận tiện. Dữ liệu thu thập được phân tích bằng phương pháp PLS-SEM qua phần mềm Smart PLS4. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng cả kiến thức tài chính cá nhân và sự hậu thuẫn từ gia đình tác động tích cực và đáng kể đến hành vi tiết kiệm. Trong đó, sự hậu thuẫn từ gia đình tác động mạnh đến hành vi tiết kiệm của nhóm dân cư 18-40 tuổi ở Đà Nẵng.

**Từ khóa:** Ảnh hưởng, hành vi tiết kiệm, kiến thức tài chính, sự hậu thuẫn từ gia đình.

**JEL Classifications:** C51, C82, D14, E21, O11.

## 1. Đặt vấn đề

Trong vài thập kỷ gần đây, tiết kiệm đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của các quốc gia. Tiết kiệm được hiểu là phần thu nhập không được chi cho tiêu dùng hiện tại. Mô hình tiêu dùng của các cá nhân quyết định tiết kiệm của họ (Baidoo, Boateng, & Amponsah, 2018). Ở các nước đang phát triển, tiết kiệm được coi là nhân tố chính ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và là thành phần thiết yếu của phúc lợi hộ gia đình. Đối với người dân và các hộ gia đình, tiết kiệm mang lại sự an toàn trước các rủi ro không lường trước ở tương lai, trong khi đối với tiết kiệm quốc gia, tiết kiệm cá nhân mang lại nguồn lực cần thiết cho sự phát triển của đất nước (Jagadeesh, 2015). Nói cách khác, tiết kiệm rất cần thiết cho tăng trưởng kinh tế của đất nước vì

nêu tỷ lệ tiết kiệm thấp thì đầu tư cũng thấp dẫn đến khả năng hình thành vốn thấp. Tỷ lệ tiết kiệm và khả năng tiết kiệm quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế bởi vì sự gia tăng tỷ lệ tiết kiệm sẽ dẫn đến sự gia tăng tỷ lệ đầu tư ở các quốc gia và từ đó sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các quốc gia (Harrod, 1939), (Domar, 1946)).

Tiết kiệm quốc gia là cần thiết để đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao (Jagadeesh, 2015). Tăng tỷ lệ tiết kiệm có thể mang lại nhiều sự đầu tư hơn (Cheema và c.s, 2018). Cuối cùng, nó sẽ dẫn đến tăng trưởng công nghiệp, thúc đẩy kinh doanh, thay đổi bản chất của các mặt hàng, chi phí ổn định và tăng trưởng cao hơn. Tiết kiệm của các hộ gia đình và cá nhân là phần thiết yếu của tiết kiệm quốc gia ở cả các quốc gia phát triển và đang phát triển (Ayadi và c.s, 2018). Khi mọi người tiết

kiệm tiền trong các tổ chức tài chính khác nhau thì họ sẽ có nhiều khoản dự trữ hơn. Do tăng dự trữ, các tổ chức này sẽ cho vay với lãi suất thấp cho mục đích đầu tư. Khía cạnh này sẽ nâng cao mức đầu tư và tăng trưởng kinh tế trong nước (Muntaha và c.s, 2015).

Cách tốt nhất để tăng tỷ lệ tiết kiệm quốc gia là khuyến khích các cá nhân tiết kiệm. Kiến thức tài chính có thể được cung cấp cho các cá nhân thông qua các chương trình giáo dục và hội thảo khác nhau. Điều này sẽ nâng cao kiến thức của họ và khuyến khích họ lập kế hoạch tài chính trong tương lai, đồng thời lựa chọn công cụ tài chính hợp lý nhất để thực hiện và đạt được các mục tiêu tài chính của mình.

Để đánh giá hành vi tiết kiệm, một số nghiên cứu đã được thực hiện và kết luận rằng tiết kiệm là một thành tố quan trọng của nền kinh tế (Cheema và c.s, 2018). Mức tiết kiệm cao hơn có thể thúc đẩy đầu tư trong nền kinh tế. Nhiều yếu tố có thể ảnh hưởng đến hành vi tiết kiệm của nhóm dân cư trẻ tuổi, trong đó kiến thức tài chính cá nhân và sự hậu thuẫn từ gia đình là một trong những yếu tố chính quyết định đến hành vi tiết kiệm của nhóm dân cư này (Sarpong-Danquah và c.s, 2018). Việc xác định chính xác các yếu tố ảnh hưởng tạo điều kiện thúc đẩy tiết kiệm cá nhân và huy động các khoản tiết kiệm để sử dụng một cách hiệu quả trong nền kinh tế.

Đối với Việt Nam, tỷ lệ tiết kiệm so với GDP giai đoạn 2011-2015 là 29,88%; năm 2016 đạt 29,58%; năm 2017 đạt 29,12%; năm 2018 đạt 29,20%; năm 2019 đạt 29,40%; năm 2020 đạt 29,11%. Bình quân giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ tiết kiệm so với GDP đạt 29,27%, thấp hơn giai đoạn 2011-2015. Nếu tính chung giai đoạn 2011- 2020, tỷ lệ tiết kiệm quốc gia của Việt Nam dao động trong khoảng 29% GDP và có xu hướng giảm (Tổng cục thống kê, 2020). Theo xu hướng chung của cả nước, mặc dù thành phố Đà Nẵng hiện đang có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, nhưng thói quen tiết kiệm cá nhân còn khá mới. Nguồn lực nội tại từ tiết kiệm cá nhân cho đầu tư tăng trưởng dài hạn hạn chế. Chỉ khi sau dịch bệnh

Covid-19, người dân mới có xu hướng tiết kiệm nhiều hơn, hạn chế các chi tiêu không thực sự cần thiết (Triết, 2022).

Mục tiêu chính của nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ tác động của kiến thức tài chính cá nhân và sự hậu thuẫn từ gia đình đến hành vi tiết kiệm của nhóm cư dân trẻ độ tuổi 18 - 40 ở Đà Nẵng. Nghiên cứu cũng chỉ rõ nguyên nhân tiềm ẩn của kiến thức tài chính cá nhân và sự hậu thuẫn từ gia đình tác động đến hành vi tiết kiệm của nhóm cư dân này. Từ đó, định hướng một số giải pháp hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách, cơ quan quản lý địa phương, tổ chức hướng đến việc điều chỉnh hành vi tiết kiệm của nhóm dân cư trẻ ở thành phố theo cách phù hợp nhất góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và bền vững của thành phố trong dài hạn.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Tiết kiệm là phần thu nhập không được chi cho tiêu dùng hiện tại. Mục đích tiết kiệm tiền của các cá nhân là rất khác nhau. Tiết kiệm không chỉ mang lại lợi ích cho các cá nhân mà còn cho cả quốc gia họ sinh sống vì nó giúp phát triển cơ sở hạ tầng và đầu tư dài hạn trong nước. Đồng thời, tiết kiệm còn đóng vai trò như một “hàng rào” cho các quốc gia chống lại khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế (Baidoo, Boateng, & Amponsah, 2018). Nghiên cứu của Clark và Madeleine (2008) cho thấy sự hiểu biết về tài chính và các kế hoạch tài chính cực kỳ thành công trong việc khắc phục tình trạng giảm tiết kiệm của cá nhân (Clark & d’Ambrosio, 2008). Thiếu hiểu biết về tài chính chắc chắn dẫn đến việc không có kỹ năng quản lý các vấn đề tài chính khác nhau. Lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of planning behaviour) ủng hộ ý tưởng rằng sự hiểu biết hay kiến thức tài chính và sự hậu thuẫn từ gia đình đang đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành thói quen tài chính của các cá nhân. Trong Lý thuyết về hành vi có kế hoạch, Ajzen (1991) cho rằng hành vi của các cá nhân bị ảnh hưởng bởi ý định của họ và được hình thành bởi thái độ, chuẩn mực chủ quan và kiểm soát hành vi nhận thức

Kiến thức tài chính là cách mà các cá nhân quản lý các nguồn tài chính của họ dưới hình thức đầu tư, bảo hiểm, lập ngân sách và tiết kiệm (Hogarth, 2002). Kiến thức tài chính là một chuyên môn hoặc kỹ năng có thể giúp các cá nhân đưa ra quyết định tài chính hiệu quả. Cách quản lý và hành vi tiết kiệm của cá nhân đã thay đổi do sự hiểu biết về tài chính của họ (Mahdzan & Tabiani, 2013). Trong một số nghiên cứu, kiến thức tài chính đóng vai trò là nhận thức về các ý tưởng tài chính khác nhau và khả năng giải quyết các vấn đề tài chính của họ (Hogarth, 2002). Do có kiến thức và sự hiểu biết về tài chính, các cá nhân có thể nhận được một số lợi ích. Monticone (2010) chỉ ra ba lợi thế chính của kiến thức tài chính. Thứ nhất, kiến thức tài chính nâng cao sức hấp dẫn của các sản phẩm và dịch vụ tài chính khác nhau, cũng như khả năng sử dụng. Thứ hai, các cá nhân có kiến thức về tài chính có thể quản lý tốt hơn các nguồn lực của họ. Thứ ba, giáo dục liên quan đến tiền bạc hứa hẹn giúp các cá nhân yếu thế hơn có thể giám sát và phát triển hiệu quả một doanh nghiệp quy mô nhỏ, nâng cao khả năng quản trị và sử dụng hợp lý các hạng mục tài chính cho tổ chức của họ. Các cá nhân có thông tin tài chính, nhận thức được các mối đe dọa và cơ hội tài chính khác nhau và những cá nhân có ý thức về nghĩa vụ và quyền của họ liên quan đến nền tảng tiền tệ có thể tạo điều kiện phát triển thị trường tài chính (Monticone, 2010).

Beal và Delpachtra (2003) nghiên cứu về kiến thức tài chính của sinh viên ở một trường đại học ở Úc và thấy rằng kiến thức tài chính của sinh viên học ngành kinh doanh tốt hơn so với những sinh viên học ngành khác. Các sinh viên ngành kinh doanh có khả năng quản lý tiền của họ tốt hơn, lập kế hoạch hợp lý, giảm chi tiêu và cũng đầu tư nhiều hơn.

Murphy (2005) chỉ ra rằng hầu hết sinh viên học kinh doanh có hiểu biết về tài chính nhiều hơn các sinh viên học ngành khác và các sinh viên ở trong các gia đình có học thức cũng hiểu biết nhiều hơn về tài chính so với sinh viên thuộc gia đình ít quan tâm đến đầu tư cho giáo dục. Việc

nâng cao năng lực và kiến thức tài chính giúp thúc đẩy việc ra quyết định hiệu quả trong các vấn đề tài chính khác nhau, do đó, nó cho phép các cá nhân quản lý hiệu quả các vấn đề khác nhau trong cuộc sống của họ như đi học, ốm đau, mua sắm, và nghỉ hưu (Lusardi & Mitchell, 2007).

Thực tế, bố mẹ có thể xây dựng cho con mình những kỹ năng cần thiết để tiết kiệm. (Furnham, 1999) nghiên cứu thói quen tiết kiệm và chi tiêu của giới trẻ. Ông cho rằng hành vi tiết kiệm của giới trẻ là do yêu cầu, đòi hỏi của bố mẹ. Bố mẹ có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc khuyến khích con cái họ tiết kiệm (Lusardi & Mitchell, 2014). Ribeiro và cộng sự (2018) lại chia bố mẹ thành 2 kiểu. Thứ nhất, bố mẹ luôn cố gắng bảo vệ con cái họ khỏi những khó khăn và trách nhiệm tài chính khác nhau. Những kiểu bố mẹ như vậy không lôi kéo con cái của họ vào các cuộc thảo luận về vấn đề tài chính khác nhau. Thứ hai, có một số bố mẹ cố gắng giáo dục con cái họ về các vấn đề tài chính khác nhau bởi vì họ biết rằng điều quan trọng là chúng phải biết về nó để quản lý ngân sách và tăng số tiền tiết kiệm của chúng (Ribeiro, Fonseca, & Soares, 2018).

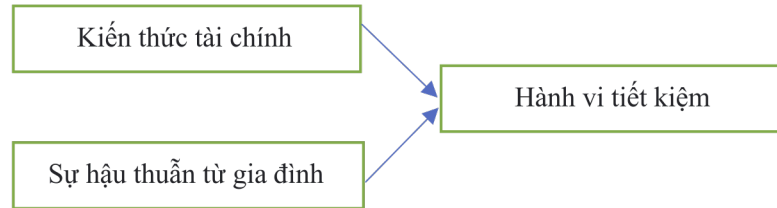
Homan (2016) lập luận rằng giáo dục và sự hậu thuẫn từ gia đình có thể giúp thúc đẩy tiết kiệm của các cá nhân và giảm vay mượn của họ. Thói quen tiết kiệm của mỗi cá nhân có thể được hình thành khi bố mẹ dạy con từ thời thơ ấu. Cuộc thảo luận giữa bố mẹ và con cái về các vấn đề tài chính và sự chỉ dẫn của bố mẹ ảnh hưởng đến thói quen tiết kiệm và vay mượn của con cái họ. Những thói hư tật xấu của đứa trẻ hình thành nếu bố mẹ bắt đầu dạy con về tài chính quá muộn (Homan, 2016). Bố mẹ có thể kiểm soát việc chi tiêu của con cái bằng cách thường xuyên theo dõi việc chi tiêu của chúng. Những cá nhân có thói quen tài chính được bố mẹ kiểm soát trong thời thơ ấu đã quản lý hiệu quả tiền của họ (Fatoki, 2014).

Dựa trên các nghiên cứu trước đây, nghiên cứu này đưa ra giả thuyết rằng:

*H1: Kiến thức tài chính tác động tích cực đến hành vi tiết kiệm của giới trẻ ở Đà Nẵng.*

H2: Sự hậu thuẫn từ gia đình tác động tích cực đến hành vi tiết kiệm của giới trẻ ở Đà Nẵng.

Khung phân tích được mô tả trong Hình 1 với các biến độc lập (Kiến thức tài chính và sự hậu thuẫn từ gia đình) và biến phụ thuộc (hành vi tiết kiệm). Các mối quan hệ thể hiện trong hình được đề xuất để ước tính khung lý thuyết của nghiên cứu, như đã giả thuyết ở trên.



(Nguồn: Tác giả tổng hợp, đề xuất)

**Hình 1:** Khung phân tích

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Dữ liệu nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu

Nguồn số liệu sơ cấp được thu thập theo phương pháp phi xác suất, với kỹ thuật lấy mẫu thuận tiện. Phiếu điều tra được gửi online và khảo sát trực tiếp đối với nhóm dân cư độ tuổi từ 18 - 40 tuổi ở 8 quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Nhóm nghiên cứu chú ý đến việc đảm bảo phân bố nhóm tuổi, giới tính và khu vực sinh sống của đối tượng điều tra để bảo đảm được tính khách quan hợp lý của mô hình nghiên cứu. Cuộc khảo sát được tiến hành từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2023, kết quả với 300 phiếu khảo sát, nhóm nghiên cứu thu thập được 296 phiếu trả lời hợp lệ. Phương pháp phi xác suất, lấy mẫu thuận tiện được chọn vì việc thu thập dữ liệu trở nên dễ tiếp cận hơn và tạo cảm giác an toàn cho người trả lời khi điền vào bảng câu hỏi. Bảng câu hỏi được chia thành hai phần. Phần đầu tiên tập trung vào các đặc điểm nhân khẩu học của người trả lời như: giới tính, độ tuổi, thu nhập hàng tháng, trình độ học vấn, kinh nghiệm đầu tư, trong khi phần thứ hai của bảng câu hỏi tập trung vào các phần chính của nghiên cứu: hành vi tiết kiệm, kiến thức tài chính và xã hội hóa của bố mẹ. Nghiên cứu này sử dụng thang đo Likerts 5 mức độ với 1 nghĩa là

“rất không đồng ý” và 5 nghĩa là “rất đồng ý”. (Bryman, 2003).

Kiến thức tài chính theo kết quả tự đánh giá/tự cảm nhận của đáp viên (KC) được đánh giá thông qua 5 tiêu chí: Tôi biết các loại hình tiết kiệm khác nhau (KC1), Tôi đọc sách/báo để nâng cao kiến thức tài chính của mình (KC2), Tôi biết tầm quan trọng của tiết kiệm (KC3), Tôi biết cách

quản lý chi tiêu cá nhân (KC4), Tôi luôn thiết lập mục tiêu trước khi đưa ra các quyết định tài chính (KC5). Sự hậu thuẫn của gia đình (GD) được đánh giá thông qua 5 tiêu chí: Tôi thường thảo luận các vấn đề tài chính với gia đình (GD1), Tiết kiệm là việc tôi làm thường xuyên vì gia đình tôi muốn tôi tiết kiệm khi tôi còn nhỏ (GD2), Tôi nhận được kiến thức tiết kiệm từ gia đình của tôi (GD3), Tôi nhận được nguồn vốn/trợ cấp của bố mẹ cho việc đầu tư của bản thân (GD4), Tôi được bố mẹ chỉ bảo cẩn chuẩn bị trước một danh sách mặt hàng cần thiết trước khi mua sắm (GD5), Gia đình tôi dạy tôi có thói quen chi tiêu tiết kiệm (GD6). Hành vi tiết kiệm (TK) được đánh giá thông qua 5 tiêu chí: Khi tôi có tiền, tôi luôn tiết kiệm một phần trong số đó (TK1), Tôi lập kế hoạch chi tiết về chi tiêu (TK2), Tôi thường suy nghĩ rất kỹ trước khi mua hàng hóa (TK3), Tôi mua những thứ thực sự cần thiết cho cuộc sống (TK4), Để tiết kiệm, tôi dự định giảm chi tiêu (TK5), Để tiết kiệm, tôi luôn theo dõi cẩn thận ngân sách hàng tháng (TK6).

Bên cạnh đó, một phương pháp ước tính kích thước mẫu tối thiểu được sử dụng rộng rãi trong PLS-SEM là phương pháp “quy tắc 10 lần” (Hair, Ringle, & Sarstedt, 2011), dựa trên giả định rằng kích thước mẫu phải lớn hơn 10 lần số lượng tối

đa các liên kết bên trong hoặc bên ngoài mô hình chỉ vào bất kỳ biến tiềm ẩn nào trong mô hình. Do đó, số lượng mẫu điều tra thực tế 296 là phù hợp, đủ độ tin cậy cho kiểm định, phân tích mô hình.

**3.2. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm**

Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật Mô hình phương trình cấu trúc (SEM), cụ thể là kỹ thuật mô hình cấu trúc bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS-SEM - Partial Least Squares Structural Equation Modeling), xử lý số liệu thông qua phần mềm SmartPLS4 để kiểm tra, đánh giá mức độ tác động giữa các biến nghiên cứu.

SEM cho phép các nhà nghiên cứu đánh giá các mô hình đo lường và đường dẫn cấu trúc hiệu quả hơn và cung cấp nền tảng để đánh giá hiệu quả tính phù hợp tổng thể của mô hình nghiên cứu và đường dẫn cấu trúc giữa các cấu trúc. SEM đặc biệt hữu ích trong việc đánh giá các mô hình đo lường và đường dẫn cấu trúc liên quan đến nhiều biến phụ thuộc và cấu trúc tiềm ẩn với các biến chỉ báo đa hạng mục. Phương pháp PLS-SEM dựa trên cấu trúc bình phương nhỏ nhất từng phần giúp tối đa hóa các phương sai được giải thích của các cấu trúc nội sinh. Phương pháp PLS-SEM cũng hoạt động tốt giống như một kỹ thuật hồi quy bội (Hair, Ringle, & Sarstedt, 2011). Đặc điểm này làm cho phương pháp PLS-SEM phù hợp và có giá trị đối với các nghiên cứu khám phá.

Mô hình đo lường trong PLS-SEM được đánh giá về tính nhất quán (consistency) và độ chuẩn xác (validity), bao gồm hệ số tải của tiêu chí (item loading), độ tin cậy tổng hợp (CR) và giá trị trung bình của phương sai (AVE). Hệ số tải lớn hơn 0,70 được coi là hợp lý đủ để biến nằm trong cấu trúc của nó, trong khi giá trị của độ tin cậy tổng hợp lớn hơn 0,70 được coi là chấp nhận được về độ chuẩn xác của nó.

Phương sai trích (AVE) xác định lượng phương sai được nắm bắt bởi cấu trúc từ mỗi biến do lỗi đo lường. Theo đề xuất của Fornell và Lacker (1981), cấu trúc nên nắm bắt tối thiểu 50% phương sai. Điều này ngụ ý rằng các giá trị của AVE phải lớn hơn 0,50. Ngoài ra, kiểm tra tính phân biệt theo đề xuất của Kline (2015) thông qua chỉ số HTMT với ngưỡng tiêu chuẩn là 0,85.

Mô hình cấu trúc trong PLS-SEM được kiểm tra bằng cách đánh giá giá trị hệ số đường dẫn ở

mức ý nghĩa 5% để thấy được bản chất của mối quan hệ giữa các cấu trúc. Để xác nhận tính hợp lệ của mô hình, việc kiểm tra chẩn đoán đã được tiến hành trên mô hình bằng cách quan sát giá trị của R2 nhằm xác định độ mạnh của mô hình. Ngoài ra, kích thước hiệu ứng cũng được kiểm tra bằng cách sử dụng giá trị f2 và giá trị này xác định độ lớn hoặc cường độ của mối quan hệ giữa các cấu trúc. Điều này giúp các nhà nghiên cứu đánh giá sự đóng góp tổng thể của nghiên cứu. Giá trị của kích thước hiệu ứng là 0,02 biểu thị hiệu ứng nhỏ, 0,15 biểu thị hiệu ứng trung bình và hơn 0,35 biểu thị hiệu ứng lớn tương ứng (Cohen, 1988).

**4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

**4.1. Thông kê mô tả**

Kết quả xử lý số liệu cho thấy, đa số đối tượng trả lời phiếu điều tra là nam (53%), có độ tuổi từ 23-30 tuổi (44,6%), sống ở quận Ngũ Hành Sơn, Hải Châu và Thanh Khê (26,7%, 13,9% và 13,2%), có thu nhập chủ yếu từ 5-10 triệu và trên 15 triệu (30,1% và 22,3%) và trình độ học vấn là cao đẳng/đại học (67,2%).

**4.2. Kết quả của mô hình phương trình cấu trúc**

*Mô hình đo lường*

Kết quả của kiểm định mô hình bên ngoài sử dụng phân tích độ chuẩn xác bao gồm giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Giá trị hội tụ được xác định bằng cách tính phương sai trung bình được trích xuất (AVE). Một chỉ báo có thể được coi là hợp lệ nếu giá trị AVE lớn hơn 0,5 hoặc toàn bộ hệ số tải lớn hơn 0,5. Giá trị phân biệt có thể được đo bằng chỉ số Fornell-Larcker và HTMT. Từ kết quả kiểm định độ tin cậy và độ ổn định ở Bảng 1 và Bảng 2, có thể kết luận kết quả nghiên cứu là đáng tin cậy vì giá trị Cronbach's alpha lớn hơn 0,60 và độ ổn định tổng hợp (composite reliability) trên các tiêu chí cho mỗi biến lớn hơn 0,70.

Đối với các biến tiềm ẩn, Hair, Ringle & Sarstedt (2011) cho rằng biến tiềm ẩn có ý nghĩa khi giá trị hệ số tải phải lớn hơn hoặc bằng 0,7 biến quan sát vì  $[0,7]^2 = 0,5$ , nghĩa là biến tiềm ẩn lúc đó mới giải thích được 50% sự biến thiên của biến quan sát. Hai biến tiềm ẩn GD5 và GD6 có giá trị hệ số tải nhỏ hơn 0,7, nên loại bỏ ra khỏi mô hình. Sau khi loại bỏ 2 biến này ra khỏi mô hình, hệ số tải mới của tất cả các biến đều đạt trên ngưỡng 0,7, thỏa mãn tính phân biệt.

**Bảng 1:** Kết quả kiểm tra độ tin cậy và giá trị hội tụ

Biến	Các tiêu chí đánh giá	AVE	Hệ số tải	Hệ số tải sau khi loại biến	Độ ổn định tổng hợp	Cronbach's Alpha
Kiến thức tài chính (KC)	KC1	0,606	0,777	0,743	0,851	0,840
	KC2		0,815	0,804		
	KC3		0,803	0,801		
	KC4		0,731	0,726		
	KC5		0,766	0,735		
Sự hậu thuẫn từ gia đình (GD)	GD1	0,531	0,768	0,736	0,850	0,825
	GD2		0,782	0,756		
	GD3		0,794	0,762		
	GD4		0,751	0,728		
	GD5		0,626			
	GD6		0,629			
Hành vi tiết kiệm (TK)	TK1	0,624	0,802	0,800	0,882	0,879
	TK2		0,798	0,766		
	TK3		0,701	0,700		
	TK4		0,804	0,800		
	TK5		0,781	0,758		
	TK6		0,848	0,839		

(Nguồn: Kết quả phân tích SmartPLS4)

**Bảng 2:** Kết quả kiểm tra tính phân biệt theo Fornell-Larcker và HTMT

Fornell-Larcker			
Biến	Sự hậu thuẫn từ gia đình	Kiến thức tài chính	Hành vi tiết kiệm
Sự hậu thuẫn từ gia đình	0,792		
Kiến thức tài chính	0,487	0,779	
Hành vi tiết kiệm	0,392	0,328	0,790
		Heterotrait-monotrait ratio (HTMT)	
Kiến thức tài chính <-> Sự hậu thuẫn từ gia đình		0,591	
Hành vi tiết kiệm <-> Sự hậu thuẫn từ gia đình		0,454	
Hành vi tiết kiệm <-> Kiến thức tài chính		0,372	

(Nguồn: Kết quả phân tích SmartPLS4)



*Mô hình cấu trúc và kiểm định giả thuyết*

Sau khi xác thực mô hình đo lường, mô hình cấu trúc đã được kiểm tra theo ba tiêu chuẩn chính do Hair, Ringle & Sarstedt (2011) đề xuất: giá trị R2, mức độ tác động của các mối quan hệ giữa các cấu trúc f2 và mức ý nghĩa của hệ số đường dẫn. Theo đó, R2 được hiểu là khả năng giải thích tổng thể liên quan đến tác động của các biến độc lập đối với hành vi tiết kiệm và R2 có ý nghĩa khi giá trị của nó phải lớn hơn 0,26 (Cohen, 1988).

Giá trị R2 trong nghiên cứu là 0,526, nghĩa là 52,6% phương sai của nó được giải thích bằng kiến thức tài chính cá nhân và sự hậu thuẫn từ gia đình. Giá trị f2 của kiến thức tài chính, sự hậu thuẫn từ gia đình và hành vi tiết kiệm lần lượt là 0,3 và 0,86. Điều này cho thấy kiến thức tài chính có tác động ở mức trung bình và sự hậu thuẫn từ gia đình có tác động lớn đến hành vi tiết kiệm.

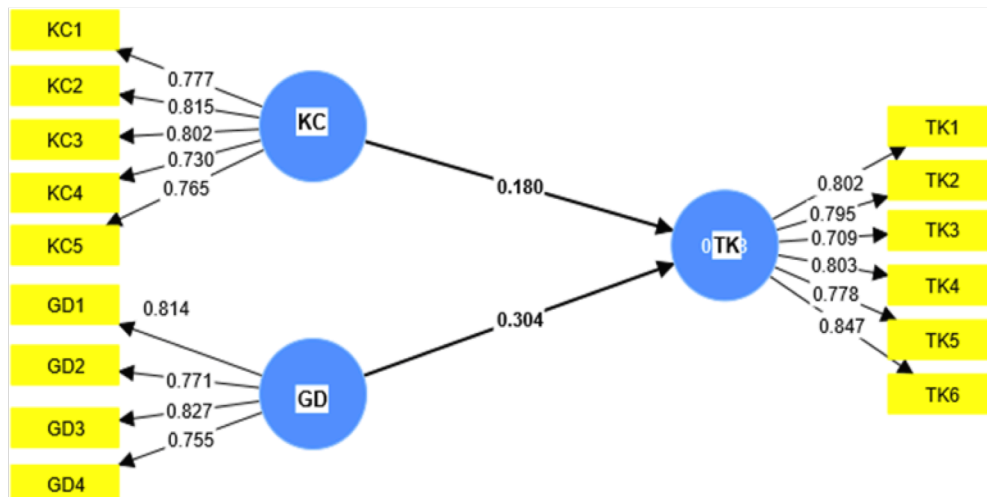
Để khẳng định khả năng chấp nhận mô hình và kiểm tra các giả thuyết, các hệ số đường dẫn cùng với ý nghĩa của nó được phân tích. Bảng 3 và hình 2 mô tả kết quả của bootstrapping.

Kết quả bảng 3 cho thấy kiến thức tài chính cá nhân có tác động tích cực và đáng kể đến hành vi tiết kiệm với mức ý nghĩa 5% vì giá trị thống kê t là 3,161 (lớn hơn 1,96) và giá trị p là 0,002 (nhỏ hơn 0,05). Do đó, giả thuyết H1 được chấp nhận. Điều này cũng ngụ ý rằng những cá nhân trẻ tuổi có kiến thức tài chính càng tốt thì hành vi tiết kiệm của anh/cô ta càng tốt. Kết quả nghiên cứu này cũng giống với hầu hết các nghiên cứu trước đây như (Beal & Delpachitra, 2010), (Lusardi & Mitchell, 2007), (Clark & d'Ambrosio, 2008), (Fatoki, 2014), (Mahdzan & Tabiani, 2013), (Cheema và c.s, 2018). Lý giải cho vấn đề này chính là trong bối cảnh của các nền kinh tế đang phát triển, các cá nhân trẻ tuổi có kiến thức tài chính nhận thức rất rõ về hành vi tiết kiệm và đầu tư của bản thân. Ở độ tuổi 18-40, giai đoạn đầu của cuộc sống kiếm tiền, người trẻ Đà Nẵng có kiến thức tài chính luôn ý thức trách nhiệm về việc tiết kiệm cho cuộc sống và những dự định đầu tư sau này. Kiến thức tài chính cá nhân làm tăng khả năng tiết kiệm thông qua cả cơ chế tiết kiệm chính thức và phi chính thức.

**Bảng 3:** Kết quả mô hình PLS-SEM về kiểm định giả thuyết

Biến	Hệ số đường dẫn	Giá trị t	Giá trị p	Kết luận
KC -> TK	0,180	3,161	0,002	Giả thuyết H1 được chấp nhận
GD -> TK	0,304	4,827	0,000	Giả thuyết H2 được chấp nhận

(Nguồn: Kết quả phân tích SmartPLS4)



(Nguồn: Kết quả phân tích SmartPLS4)

**Hình 2:** Các hệ số đường dẫn trong mô hình PLS-SEM

Bên cạnh đó, kết quả giá trị các hệ số đường dẫn trong mô hình cấu trúc chỉ ra rằng các tiêu chí Tôi đọc sách/báo để nâng cao kiến thức tài chính của mình (KC2) (0,815), Tôi biết tầm quan trọng của tiết kiệm (KC3) (0,802) có tác động tích cực lớn nhất đến hành vi tiết kiệm của cá nhân. Phát hiện này cũng khẳng định rằng cá nhân trẻ tuổi có mức độ hiểu biết về tài chính tốt, nhận thức được vai trò của tiết kiệm thì hành vi tiết kiệm của họ sẽ càng tốt hơn. Nói cách khác, cách quan trọng để thúc đẩy hành vi tiết kiệm của các cá nhân là nâng cao mức độ hiểu biết về tài chính của họ. Các tiêu chí con khác liên quan đến lập kế hoạch tài chính và quản lý chi tiêu (KC4 và KC5) cũng là những yếu tố quan trọng thúc đẩy hành vi tiết kiệm “tích cực” của cư dân trẻ ở Đà Nẵng. Bên cạnh sự hiểu biết về tài chính thì lập kế hoạch tài chính và quản lý chi tiêu.

Tương tự, giả thuyết H2 cũng được chấp nhận với  $t = 4,827$  và mức ý nghĩa 5% và khẳng định có tác động tích cực và đáng kể của sự hậu thuẫn từ gia đình đối với hành vi tiết kiệm của người trẻ ở Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu này cũng giống như kết quả nghiên cứu của (Furnham, 1999), (Murphy, 2005), (Lusardi & Mitchell, 2014), (Homan, 2016) và (Ribeiro, Fonseca, & Soares, 2018). Sự hậu thuẫn từ gia đình được hiểu dưới góc độ hỗ trợ tài chính và việc tiếp xúc, giáo dục của bố mẹ liên quan đến vấn đề tài chính, tiết kiệm đối với con cái của họ. Giáo dục của bố mẹ theo cách chính thống hay không chính thống có thể nuôi dưỡng kiến thức và kỹ năng tài chính, hành vi tiết kiệm của con cái họ. Thông qua giáo dục của bố mẹ, con cái họ có sự hiểu biết, khả năng lập kế hoạch tài chính tốt, tăng cường hành vi tiết kiệm “tích cực” của cá nhân.

Kết quả giá trị các hệ số đường dẫn trong mô hình cấu trúc cho thấy các tiêu chí Tôi nhận được kiến thức tiết kiệm từ gia đình của tôi (GD3) (0,827) và Tôi thường thảo luận các vấn đề tài chính với gia đình (GD1) (0,814) có tác động tích cực và mạnh nhất đến hành vi tiết kiệm của cá nhân. Phát hiện này nhấn mạnh mối liên hệ giữa giáo dục của bố mẹ đối với hành vi tiết kiệm của

con cái. Những người trẻ tuổi có thể học hỏi, tiếp cận các khái niệm tài chính, lập kế hoạch tài chính tại nhà. Vì vậy, hành động của bố mẹ đóng một vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng kiến thức và kỹ năng tài chính cũng như hành vi tiết kiệm của con cái họ. Nói cách khác, hiểu biết về tài chính không chỉ đạt được thông qua hệ thống giáo dục chính quy ở nhà trường mà có thể được phát triển một cách không chính thức thông qua giáo dục tại gia đình. Các tiêu chí con khác Tôi nhận được nguồn vốn/trợ cấp của bố mẹ cho việc đầu tư của bản thân (GD4) và Tiết kiệm là việc tôi làm thường xuyên vì gia đình tôi muốn tôi tiết kiệm khi tôi còn nhỏ (GD2) cũng có tác động mạnh đến hành vi tiết kiệm của nhóm dân cư trẻ tuổi ở Đà Nẵng. Ở đây, định hướng bố mẹ trong việc dạy con cái tiết kiệm và sự hỗ trợ của bố mẹ trong việc đầu tư, khả năng tự cân đối giữa tiết kiệm và đầu tư đã và đang ảnh hưởng đến hành vi tiết kiệm của cư dân trẻ ở Đà Nẵng.

### **5. Kết luận và hàm ý chính sách**

Dựa trên các kết quả phân tích mô hình cấu trúc, có thể kết luận rằng kiến thức tài chính và sự hậu thuẫn từ gia đình là các nhân tố quyết định đến hành vi tiết kiệm của nhóm cư dân trẻ tuổi ở Đà Nẵng. Kiến thức tài chính của một người càng tốt thì mức độ sẵn sàng tiết kiệm cũng sẽ cao hơn vì người đó sẽ biết tầm quan trọng của việc quản lý tài chính tốt cho các nhu cầu trong tương lai. Ngoài ra, bố mẹ là kênh tốt nhất có thể truyền tải kiến thức tài chính, kiểm soát chi tiêu và có thể khuyến khích con cái tiết kiệm “tích cực”. Hành vi tiết kiệm của bố mẹ cũng là tấm gương quan trọng cho con cái vì con cái luôn làm theo những gì bố mẹ chúng làm. Bên cạnh đó, kiến thức tài chính và sự hậu thuẫn từ gia đình đều ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến tiết kiệm của cá nhân, điều này không chỉ làm tăng nguồn tài chính của họ mà còn có lợi cho nền kinh tế địa phương vì tiết kiệm tăng sẽ giúp phát triển cơ sở hạ tầng và đầu tư dài hạn, từ đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến GRDP Đà Nẵng và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Điểm mới là nghiên cứu đã xem xét tác động của một số yếu tố phi kinh tế (kiến thức tài chính

và sự hậu thuẫn từ gia đình) đến hành vi tiết kiệm, không giống như các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế. Bằng chứng được cung cấp trong nghiên cứu này rất quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách quan tâm đến việc thúc đẩy hành vi tiết kiệm “tích cực” của nhóm dân cư trẻ tuổi, đặc biệt là những người từ các nước đang phát triển nơi văn hóa tiết kiệm còn khá mới. Dựa trên kết quả của nghiên cứu, chúng tôi lập luận rằng một cách quan trọng để khuyến khích mọi người tiết kiệm ở giai đoạn đầu đời là nâng cao trình độ hiểu biết của họ về các vấn đề tài chính và khuyến khích kênh giáo dục tài chính phi chính thức trong gia đình của bố mẹ đối với con cái của họ.

Nghiên cứu này sẽ cung cấp định hướng cho các nhà hoạch định chính sách và các cơ quan quản lý địa phương để đưa ra các chiến lược phù hợp nhằm tăng cường tiết kiệm “tích cực” của giới trẻ. Chính quyền thành phố cần tổ chức các chương trình đào tạo tài chính khác nhau để nâng cao hiểu biết về tài chính của thanh niên. Nghiên cứu này sẽ giúp các ngân hàng trên địa bàn hiểu rõ hơn về hành vi tiết kiệm của giới trẻ thành phố. Do đó, ngân hàng có thể phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ tài chính theo nhu cầu và sở thích của người trẻ để biến họ thành những khách hàng có giá trị của họ. Trong nghiên cứu này, sự hậu thuẫn từ gia đình là một yếu tố dự báo tốt về hành vi tiết kiệm của con cái họ. Bố mẹ thông qua kênh giáo dục chính thức và phi chính thức luôn đóng vai trò trung tâm trong việc tạo điều kiện và thúc đẩy hành vi tiết kiệm “tích cực” của con cái. Nghiên cứu này cho phép các bậc cha mẹ có được thông tin về hành vi tài chính của con cái họ và do đó, họ có thể hỗ trợ hoặc kiểm soát chi tiêu và khuyến khích con cái họ tiết kiệm “tích cực”.

#### **Tài liệu tham khảo:**

Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational behavior and human decision processes*, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211.

Ayadi, M. A., Omrane, W. B., Lazrak, S., & Jie, Y. (2018). The dynamics of currency, savings, and investment rates. *International Review of Finance*, 18(1), 3-33. doi.org/10.1111/irfi.12138.

Baidoo, S. T., Boateng, E., & Amponsah, M. (2018). Understanding the determinants of saving in Ghana: Does financial literacy matter? *Journal of International Development*, 30(5), 886-903. doi.org/10.1002/jid.3377.

Beal, D. J., & Delpachitra, S. (2010). Financial literacy among Australian university students. *Economic Papers: A journal of applied economics and policy*, 22(1), 65-78.

Bryman, A. (2003). *Quantity and Quality in Social Research (Contemporary Social Research)*. London, UK: Routledge. doi.org/10.4324/9780203410028.

Cheema, A. R., Saleem, A., Rehman, A. u., & Atif, M. (2018). Assessing the determinants of savings in Pakistan: An Evidence from PSLM 2010-11. *European Online Journal of Natural and Social Sciences*, 7(2), 366-385.

Clark, R. L., & d'Ambrosio, M. (2008). *Adjusting retirement goals and saving behavior: The role of financial education. Trong a. Lusardi, Overcoming the saving slump: How to increase the effectiveness of financial education and saving programs* (trang 237-257). Chicago, USA: University of Chicago Press.

Cohen, J. (1988). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). Hillsdale, NJ: Lawrence Erlbaum Associates, Publishers.

Domar, E. D. (1946). Capital expansion, rate of growth, and employment. *Econometrica*, 14(2), 137-147.

Fatoki, O. (2014). The financial literacy of non-business university students in South Africa. *International Journal of Educational Sciences*, 7(2), 261-267.

Fornell, C., & Larcker, D. F. (1981). Structural equation models with unobservable variables and measurement error: Algebra and statistics. *Journal of Marketing Research*, 18, 382-388.

Furnham, A. (1999). The saving and spending habits of young people. *Journal of Economic*

- Psychology*, 20(6), 677–697. doi.org/10.1016/S0167-4870(99)00030-6.
- Hair, J., Ringle, C., & Sarstedt, M. (2011). PLS-SEM: Indeed a silver bullet. *J. Mark. Theory Pract*, 9, 139–152.
- Harrod, R. F. (1939). An essay in dynamic theory. *The Economic Journal*, 49(193), 14–33. doi.org/10.2307/2225181.
- Hogarth, J. M. (2002). Financial literacy and family and consumer sciences. *Journal of Family and Consumer Sciences*, 94(1), 15–28.
- Homan, A. M. (2016). *The influence of parental financial teaching on saving and borrowing behavior*. Master's thesis, University of University of Groningen.
- Jagadeesh, D. (2015). The impact of savings in economic growth: An empirical study based on Botswana. *International Journal of Research in Business Studies and Management*, 2(9), 10–21.
- Kline, R. B. (2015). *Principles and practice of structural equation modeling*. New York, USA: Guilford Press.
- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2007). Baby Boomer retirement security: the roles of planning, financial literacy, and housing wealth. *Journal of Monetary Economics*, 54, 205–224.
- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2014). The economic importance of financial literacy: Theory and evidence. *Journal of Economic Literature*, 52(1), 5–44.
- Mahdzan, N. S., & Tabiani, S. (2013). The impact of financial literacy on individual saving: an exploratory study in the Malaysian context. *Transformation in Business and Economics*, 12(28), 41–55.
- Monticone, C. (2010). How much does wealth matter in the acquisition of financial literacy? *Journal of Consumer Affairs*, 44(2), 403–422. doi:10.1111/j.1745-6606.2010.01175.x.
- Muntaha, S., Muhammadkhan, haider, D., & Ahmad, A. (2015). Impact of foreign direct on economic growth of Pakistan. *American Research Journal of Business and Management*, 1(1), 7–11.
- Murphy, A. J. (2005). *Money, money, money: An exploratory study on the financial knowledge of Black college students*. *College Student Journal*, 39(3), 478–488.
- Ribeiro, R. B., Fonseca, J. R., & Soares, I. (2018). Spend as I say, not as I do: Children, families and household consumption in different socio-economic contexts. *International Journal of Consumer Studies*, 42(5), 566–582.
- Sarpong-Danquah, B., Princ, G., P. K., & Osei-Poku, B. (2018). Financial literacy assessment on tertiary students in Sub-Saharan Africa: A Ghanaian perspective. *International Journal of Accounting and Financial Reporting*, 8(2), 76–91. doi:10.5296/ijaf.v8i2.12928.
- Triết, L. N. (2022). Các giải pháp thúc đẩy phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng giai đoạn hậu đại dịch COVID-19. *Tạp chí công sản*, Truy cập ngày 05/02/2023 tại <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/825606/cac-giai-phap-thuc-day-phuc-hoi%2C-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-thanh-pho-da-nang-giai-doan-hau-dai-dich-covid-19.aspx>.

### Summary

Savings activities need to be instilled by parents early so that children can form and develop good savings behavior from childhood to adulthood. The formation and development of savings behavior will help individuals easily manage their finances well. The main objective of this study is to determine the extent and potential factors of personal financial knowledge, family support affecting savings behavior of Da Nang residents. Data was collected by distributing questionnaires online and in person to 296 people aged 18-40 in Da Nang city with convenience non-probability sampling method. The collected data was analyzed using PLS-SEM method via Smart PLS4 software. Research results show that both personal financial knowledge and family support have a positive and significant impact on savings behaviour. In which, family support strongly affects the saving behavior of the population group ages 18-40 in Da Nang.